**1. KHUNG MA TRẬN VÀ ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KÌ 2 - MÔN KHTN LỚP 7.**

**a) Khung ma trận**

**- Thời điểm kiểm tra:** *Kiểm tra học kì 2 khi kết thúc nội dung: Chủ đề 11: Sinh sản ở sinh vật.*

**- Thời gian làm bài:** *60 phút.(Sinh : 3 tiết 1/tuần )*

**- Hình thức kiểm tra:** *100% trắc nghiệm - 40 câu*

**- Cấu trúc:**

- Mức độ đề:*40% Nhận biết; 30% Thông hiểu; 20% Vận dụng; 10% Vận dụng cao.*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Chủ đề** | **Mức độ** | | | | **Tổng số câu** | **Điểm số** |
| **Nhận biết**  (40%) | **Thông hiểu**  (30%) | **Vận dụng**  (20%) | **Vận dụng cao**  (10%) |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| **1.Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật(32 tiết)** | *10* | *07* | *05* | *02* | *24câu* | *6,0đ* |
| **2. Cảm ứng ở sinh vật(4 tiết)** | *01* | *01* | *0* | *01* | *02 câu* | *0,5 đ* |
| **3. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. (7 tiết)** | *02* | *02* | *01* | *0* | *06 câu* | *1,5đ* |
| **4. Sinh sản ở sinh vật(10 tiết)** | *03* | *02* | *02* | *01* | *08 câu* | *2,0đ* |
| **Số câu** | *16* | *12* | *8* | *4* | *40 câu* |  |
| **Tổng số điểm** | ***(4,0đ)*** | ***(3,0đ)*** | ***(2,0đ)*** | ***(1,0đ)*** | ***10,0*** | ***10*** |

**BẢN ĐẶC TẢ**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** | **Số câu hỏi TN** | **Câu hỏi số** |
| **Chủ đề 8:** **Trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở sinh vật(32 tiết)** | | |
| – Khái quát trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng  + Vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng  + Chuyển hoá năng lượng ở tế bào   * Quang hợp * Hô hấp ở tế bào   **+** Trao đổi khí  **+** Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở sinh vật | **Nhận biết** | – Phát biểu được khái niệm trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  – Nêu được vai trò trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng trong cơ thể.  – Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến quang hợp, hô hấp tế bào.  – Nêu được vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật.  + Nêu được vai trò thoát hơi nước ở lá và hoạt động đóng, mở khí khổng trong quá trình thoát hơi nước;  + Nêu được một số yếu tố chủ yếu ảnh hưởng đến trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật; | **1**  **1**  **4**  **2**  **2** | **C2**  **C1**  **C3,4,5,6**  **C8,10**  **C7,9** |
| **Thông hiểu** | – Mô tả được một cách tổng quát quá trình quang hợp ở tế bào lá cây: Nêu được vai trò lá cây với chức năng quang hợp. Nêu được khái niệm, nguyên liệu, sản phẩm của quang hợp. Viết được phương trình quang hợp (dạng chữ). Vẽ được sơ đồ diễn tả quang hợp diễn ra ở lá cây, qua đó nêu được quan hệ giữa trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng.  – Mô tả được một cách tổng quát quá trình hô hấp ở tế bào (ở thực vật và động vật): Nêu được khái niệm; viết được phương trình hô hấp dạng chữ; thể hiện được hai chiều tổng hợp và phân giải.  – Sử dụng hình ảnh để mô tả được quá trình trao đổi khí qua khí khổng của lá.  – Dựa vào hình vẽ mô tả được cấu tạo của khí khổng, nêu được chức năng của khí khổng.  – Dựa vào sơ đồ khái quát mô tả được con đường đi của khí qua các cơ quan của hệ hô hấp ở động vật (ví dụ ở người)  – Dựa vào sơ đồ (hoặc mô hình) nêu được thành phần hoá học và cấu trúc, tính chất của nước.  – Mô tả được quá trình trao đổi nước và các chất dinh dưỡng, lấy được ví dụ ở thực vật và động vật, cụ thể:  + Dựa vào sơ đồ đơn giản mô tả được con đường hấp thụ, vận chuyển nước và khoáng của cây từ môi trường ngoài vào miền lông hút, vào rễ, lên thân cây và lá cây;  + Dựa vào sơ đồ, hình ảnh, phân biệt được sự vận chuyển các chất trong mạch gỗ từ rễ lên lá cây (dòng đi lên) và từ lá xuống các cơ quan trong mạch rây (dòng đi xuống).  + Trình bày được con đường trao đổi nước và nhu cầu sử dụng nước ở động vật (lấy ví dụ ở người);  + Dựa vào sơ đồ khái quát (hoặc mô hình, tranh ảnh, học liệu điện tử) mô tả được con đường thu nhận và tiêu hoá thức ăn trong ống tiêu hoá ở động vật (đại diện ở người);  + Mô tả được quá trình vận chuyển các chất ở động vật (thông qua quan sát tranh, ảnh, mô hình, học liệu điện tử), lấy ví dụ cụ thể ở hai vòng tuần hoàn ở người. | **2**  **2**  **1**  **1**  **1** | **C15,17**  **C14,16**  **C13**  **C11**  **C12** |
| **Vận dụng** | – Vận dụng hiểu biết về quang hợp để giải thích được ý nghĩa thực tiễn của việc trồng và bảo vệ cây xanh.  – Nêu được một số vận dụng hiểu biết về hô hấp tế bào trong thực tiễn (ví dụ: bảo quản hạt cần phơi khô,...).  – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh thân vận chuyển nước và lá  – Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở thực vật vào thực tiễn (ví dụ giải thích việc tưới nước và bón phân hợp lí cho cây). | **2**  **2**  **1** | **C18**  **C19,20**  **C21,22** |
| **Vận dụng cao** | – Tiến hành được thí nghiệm chứng minh quang hợp ở cây xanh.  – Tiến hành được thí nghiệm về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt.  - Vận dụng được những hiểu biết về trao đổi chất và chuyển hoá năng lượng ở động vật vào thực tiễn (ví dụ về dinh dưỡng và vệ sinh ăn uống, ...). | **2** | **C23,24** |
| **Chủ đề 9: Cảm ứng ở Sinh vật (4tiết)** | | | **Số câu hỏi TN** | **Câu hỏi số** |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** |
| - Khái niệm cảm ứng  - Cảm ứng ở thực vật  - Cảm ứng ở động vật  - Tập tính ở động vật: khái niệm, ví dụ minh hoạ  - Vai trò cảm ứng đối với sinh vật | **Nhận biết** | – Phát biểu được khái niệm cảm ứng ở sinh vật.  – Nêu được vai trò cảm ứng đối với sinh vật.  – Phát biểu được khái niệm tập tính ở động vật;  – Nêu được vai trò của tập tính đối với động vật. | **1** | **C25** |
| **Thông hiểu** | – Trình bày được cách làm thí nghiệm chứng minh tính cảm ứng ở thực vật (ví dụ hướng sáng, hướng nước, hướng tiếp xúc). | **1** | **C26** |
| **Vận dụng** | – Lấy được ví dụ về các hiện tượng cảm ứng ở sinh vật (ở thực vật và động vật).  – Lấy được ví dụ minh hoạ về tập tính ở động vật.  – Vận dụng được các kiến thức cảm ứng vào giải thích một số hiện tượng trong thực tiễn (ví dụ trong học tập, chăn nuôi, trồng trọt). | **0** |  |
| **Vận dụng cao** | Thực hành: quan sát, ghi chép và trình bày được kết quả quan sát một số tập tính của động vật. | **1** | **C27** |
| **Chủ đề 10: Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật(7 tiết)** | | | **Số câu hỏi TN** | **Câu hỏi số** |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** |
| - Khái niệm sinh trưởng và phát triển.  -Cơ chế sinh trưởng ở thực vật và động vật.  - Các giai đoạn sinh trưởng và phát triển ở sinh vật  - Các nhân tố ảnh hưởng  -Điều hoà sinh trưởng và các phương pháp điều khiển sinh trưởng, phát triển | **Nhận biết** | Phát biểu được khái niệm sinh trưởng và phát triển ở sinh vật. | **2** | **C28,29** |
| **Thông hiểu** | - Nêu được mối quan hệ giữa sinh trưởng và phát triển.  – Chỉ ra được mô phân sinh trên sơ đồ cắt ngang thân cây Hai lá mầm và trình bày được chức năng của mô phân sinh làm cây lớn lên.  – Dựa vào hình vẽ vòng đời của một sinh vật (một ví dụ về thực vật và một ví dụ về động vật), trình bày được các giai đoạn sinh trưởng và phát triển của sinh vật đó.  -Nêu được các nhân tố chủ yếu ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (nhân tố nhiệt độ, ánh sáng, nước, dinh dưỡng).  -Trình bày được một số ứng dụng sinh trưởng và phát triển trong thực tiễn (ví dụ điều hoà sinh trưởng và phát triển ở sinh vật bằng sử dụng chất kính thích hoặc điều khiển yếu tố môi trường). | **1**  **1** | **C30**  **C31** |
| **Vận dụng** | -Tiến hành được thí nghiệm chứng minh cây có sự sinh trưởng.  – Thực hành quan sát và mô tả được sự sinh trưởng, phát triển ở một số thực vật, động vật.  – Vận dụng được những hiểu biết về sinh trưởng và phát triển sinh vật giải thích một số hiện tượng thực tiễn (tiêu diệt muỗi ở giai đoạn ấu trùng, phòng trừ sâu bệnh, chăn nuôi). | **1** | **C32** |
|  |  | **Số câu hỏi TN** | **Câu hỏi số** |
| **Chủ đề 11: Sinh sản ở sinh vật (10tiết)** | | |
| **Nội dung** | **Mức độ** | **Yêu cầu cần đạt** |
| -Khái niệm sinh sản ở sinh vật.  - Sinh sản vô tính  -Sinh sản hữu tính.  - Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật.  - Điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật | **Nhận biết** | - Phát biểu được khái niệm sinh sản ở sinh vật.  – Nêu được khái niệm sinh sản vô tính ở sinh vật.  – Nêu được vai trò của sinh sản vô tính trong thực tiễn.  – Nêu được khái niệm sinh sản hữu tính ở sinh vật.  – Nêu được vai trò của sinh sản hữu tính.  - Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật  – Nêu được một số yếu tố ảnh hưởng đến điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật. | **1** | **C33** |
| **Thông hiểu** | – Dựa vào hình ảnh hoặc mẫu vật, phân biệt được các hình thức sinh sản sinh dưỡng ở thực vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.  – Dựa vào hình ảnh, phân biệt được các hình thức sinh sản vô tính ở động vật. Lấy được ví dụ minh hoạ.  – Phân biệt được sinh sản vô tính và sinh sản hữu tính.  – Dựa vào sơ đồ mô tả được quá trình sinh sản hữu tính ở thực vật:  + Mô tả được các bộ phận của hoa lưỡng tính, phân biệt với hoa đơn tính.  + Mô tả được thụ phấn; thụ tinh và lớn lên của quả.  – Dựa vào sơ đồ (hoặc hình ảnh) mô tả được khái quát quá trình sinh sản hữu tính ở động vật (lấy ví dụ ở động vật đẻ con và đẻ trứng). | **1**  **1**  **1**  **1** | **C34**  **C35**  **C36**  **C37** |
| **Vận dụng** | -Trình bày được các ứng dụng của sinh sản vô tính vào thực tiễn (nhân giống vô tính cây, nuôi cấy mô).  -Nêu được một số ứng dụng của sinh sản hữu tính trong thực tiễn.  - Giải thích được vì sao phải bảo vệ một số loài côn trùng thụ phấn cho cây. | **2** | **C38,39** |
| **Vận dụng cao** | -Vận dụng được những hiểu biết về sinh sản hữu tính trong thực tiễn đời sống và chăn nuôi (thụ phấn nhân tạo, điều khiển số con, giới tính). | **1** | **C40** |
|  |  |  |  |  |

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ II NĂM HỌC: 2022-2023**

**MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN LỚP 7**

**Thời gian làm bài: 60 phút.**

**Câu 1 <NB>: Thành phần nào dưới đây là chất thải của hệ hô hấp ?**

**A.** Nước tiểu **B.** Mồ hôi

**C.** Khí ôxi **D.** Khí cacbônic

**Câu 2 <NB>: Chuyển hoá cơ bản là**

**A.** năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái lao động cật lực.

**B.** năng lượng tích luỹ khi cơ thể ở trạng thái lao động cật lực.

**C.** năng lượng tích luỹ khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.

**D.** năng lượng tiêu dùng khi cơ thể ở trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi.

**Câu 3 <NB>:** Cơ quan chính thực hiện quá trình quang hợp ở thực vật là

**A**. rễ cây. **B.** thân cây.

**C.** lá cây. **D.** hoa.

**Câu 4<NB>:** **Sản phẩm của quang hợp là**

**A.**Nước, khí carbon dioxide

**B.**glucose, khí carbon dioxide.

**C.** khí oxygen, glucose.

**D.** glucose, nước.

**Câu 5<NB>: Sản phẩm của hô hấp tế bào gồm:**

**A.**Oxi, nước và năng lượng

**B.** Nước, đường và năng lượng

**C.** Nước, khí cacbonic và đường

**D.** Khí cacbonic, đường và năng lượng

**Câu 6<NB>: Quá trình hô hấp có ý nghĩa:**

**A.** đảm bảo sự cân bằng O2 và CO2  trong khí quyển

###### **B.** tạo ra năng lượng cung cấp cho hoạt động sống của các tế bào và cơ thể sinh vật

**C.** làm sạch môi trường

**D.** chuyển hóa gluxit thành CO2 , H2O và năng lượng

**Câu 7 <NB>:** **Yếu tố bên ngoài nào sau đây không ảnh hưởng đến quang hợp của cây xanh?**

**A.** Nước. **B.** Khí oxygen.

**C.** Khí cacbon dioxide. **D.** Ánh sáng.

**Câu 8<NB>:**  **Con người mất bao nhiêu lượng nước của cơ thể thì tử vong?**

1. 3 đến 5%. **B.** 2 đến 4%. **C**. 6 đến 8%. **D.** 12 đến 20%.

**Câu 9 <NB>:**  **Sự phân bố của sinh vật trên Trái Đất phụ thuộc vào đâu?**

**A.** Đồng bằng. **B.** Nhà ở.

**C.** Nguồn nước. **D.** Chất dinh dưỡng.

**Câu 10<NB>:** **Nước được vận chuyển ở thân chủ yếu**

**A.** qua mạch rây theo chiều từ trên xuống. **B.** từ mạch gỗ sang mạch rây.

**C.** từ mạch rây sang mạch gỗ. **D.** qua mạch gỗ. **D.** qua mạch gỗ.

**Câu 11 <TH>:** **Khi nói về quá trình vận chuyển các chất trong cây, phát biểu nào sau đây đúng?**

**A.** Vận chuyển trong mạch gỗ là chủ động, còn trong mạch rây là bị động.

**B.** Dòng mạch gỗ luôn vận chuyển các chất vô cơ, dòng mạch rây luôn vận chuyển các chất hữu cơ.

**C.** Mạch gỗ vận chuyển đường glucôzơ, mạch rây vận chuyển chất hữu cơ khác.

**D.** Mạch gỗ vận chuyển các chất từ rễ lên lá, mạch rây thì vận chuyển các chất từ lá xuống rễ.

**Câu 12<TH>.Phát biểu nào sau đây là đúng nhất về vòng tuần hoàn lớn:**

**A.** Vòng tuần hoàn lớn đưa máu giàu O2 và các chất bài tiết đến các cơ quan để nuôi dưỡng cơ thể, nhận các chất dinh dưỡng và khí CO2 trở về tim.

**B.** Vòng tuần hoàn lớn đưa máu giàu khí CO2 và các chất dinh dưỡng đến các cơ quan để nuôi dưỡng cơ thể, nhận các chất bài tiết và khí O2 trở về tim

**C.** Vòng tuần hoàn lớn đưa máu chứa khí CO2 và các chất bài tiết đến các cơ quan để nuôi dưỡng cơ thể, nhận máu giàu khí O2 và các chất dinh dưỡng trở về tim

**D.** Vòng tuần hoàn lớn đưa máu giàu O2 và các chất dinh dưỡng đến các cơ quan để nuôi dưỡng cơ thể, nhận các chất bài tiết và khí CO2 trở về tim

**Câu 13** **<TH>**: **Từ thí nghiệm của bạn Tuấn em hãy xác định vai trò của mạch gỗ.**

**A.** Vận chuyển nước và các chất khoáng hòa tan.

**B.** Nâng đỡ

**C.** Bảo vệ

**D.** Dự trữ.

**Câu 14<TH>:Trong những ngày nắng nóng mạnh sự trao đổi khí ở thực vật diễn ra**

**A.** nhanh, mạnh

**B.** chậm

**C.** bình thường

**D.** không đồng đều ở các bộ phận khác nhau

**Câu 15<TH>:**Lá cây hình phiến mỏng diện tích bề mặt lớn có tác dụng gì cho việc trao đổi khí

**A.** Tăng diện tích khuếch tán

**B.** Quạt gió để lưu thông khí

**C.** Che đỡ ánh sáng mặt trời chiếu vào khí khổng

**D.** Không có tác dụng gì

**Câu 16<TH>:** **Các khẳng định sau đây, khẳng định nào đúng khi nói về thí nghiệm chứng minh hô hấp ở thực vật?**

(1). Hạt sau khi ngâm nước tiếp tục được để ở tủ ấm hoặc nơi khô thoáng để có điều kiện nhiệt độ thích hợp, kích thích hạt nảy mầm.

(2). Lót bông hoặc giấy đã thấm ẩm rồi đặt trong đĩa Petri để tránh chuột và sâu bọ ăn hạt.

(3). Cốc nước vôi trong ở chuông có hạt nảy mầm trở nên đục và có lớp váng trắng trên bề mặt còn ở chuông không có hạt nảy mầm thì không có hiện tượng đó.

(4). Ngâm hạt trong nước ấm trước khi gieo là để rửa sạch các chất bẩn bám vào vỏ hạt.

(5). Mục đích của việc đậy chuông kín trong thí nghiệm là để carbon dioxide của không khí không vào bên trong chuông được.

Khẳng định đúng:

1. (1), (2), (3). **B.** (2), (3), (4). **C.** (3), (4), (5). **D.** (1), (3), (5).

**Câu 17<TH**>: **Sắp xếp các bước sau đây theo đúng trình tự thí nghiệm chứng minh quang hợp giải phóng oxygen.**

1. Để một cốc ở chỗ tối hoặc bọc giấy đen, cốc còn lại để ra chỗ nắng.
2. Lấy 2 cành rong đuôi chó cho vào 2 ống nghiệm đã đổ đẩy nước rồi úp  
   vào 2 cốc nước đầy sao cho bọt khí không lọt vào.
3. Theo dõi khoảng 6 giờ, nhẹ nhàng rút 2 cành rong ra, bịt kín ống nghiệm  
   và lấy ống nghiệm ra khỏi 2 cốc rồi lật ngược lại.
4. Đưa que đóm còn tàn đỏ vào miệng ống nghiệm.

**A.** 2 – 1 – 4 - 3

**B.** 1 – 4 – 3 - 2

**C.** 1 – 4 – 2 - 3

**D.** 2 - 1 - 3 - 4

**Câu 18<VD>: Khi nuôi cá cảnh trong bể kính có thể làm tăng dương khí cho cá bằng cách nào?**

**A.** Thả rong hoặc cây thủy sinh khác vào bể cá.

**B.** Tăng nhiệt độ trong bể.

**C.** Thắp đèn cả ngày và đêm.

**D.** Đổ thêm nước vào bể cá.

**Câu 19<VD>: Cơ sở khoa học của các biện pháp bảo quản nông sản là**

**A.** tăng nhẹ cường độ hô hấp tế bào.

**B**. giảm nhẹ cường độ hô hấp tế bào.

**C.** giảm cường độ hô hấp tế bào tới mức tối thiểu.

**D.** tăng cường độ hô hấp tế bào tới mức tối đa.

**Câu 20<VD>:** **Biện pháp nào sau đây là hợp lí để bảo vệ sức khoẻ hô hấp ở người?**

**A.** Tập luyện thể thao với cường độ mạnh mỗi ngày.

**B.** Ăn thật nhiều thức ăn có chứa glucose để cung cấp nguyên liệu cho hô hấp.

**C.** Tập hít thở sâu một cách nhẹ nhàng và đều đặn mỗi ngày.

**D.** Để thật nhiều cây xanh trong phòng ngủ.

**Câu 21 <VD>: Ở đa số các loài thực vật, mặt trên của lá có màu xanh đậm hơn mặt dưới của lá vì**

**A.** lục lạp tập trung nhiều ở mặt trên của lá.

**B.** lỗ khí tập trung nhiều ở mặt trên của lá.

**C.** lục lạp tập trung nhiều ở mặt dưới của lá.

**D.** lỗ khí tập tập trung nhiều ở mặt dưới của lá

**Câu 22<VD>:Khí khổng phân bố nhiều ở bộ phận nào của thực vật?**

**A.** Rễ cây

**B.** Thân cây

**C.** Lá cây

**D.** Quả chín

**Câu 23 <VDC>**:**Vì sao không nên tưới nước cho cây vào buổi trưa?**

**A.** Cây không cần nước vào buổi trưa.

**B.** Nhiệt độ cao làm nước bốc hơi nóng làm cây bị héo.

**C.** Nhiệt độ cao nên nước bốc hơi hết cây không hút nước được.

**D.** Vào buổi trưa khả năng thoát hơi nước của lá cây giảm.

**Câu 24<VDC>:** **Xét các loài sinh vật sau:**

**(1) tôm     (2) cua     (3) châu chấu (4) trai     (5) giun đất     (6) ốc**

**Những loài nào hô hấp bằng mang ?**

**A.** (1), (2), (3) và (5)

**B.** (4) và (5)

**C.** (1), (2), (4) và (6)

**D.** (3), (4), (5) và (6)

**Câu 25 <NB>: Tập tính học được là loại tập tính được hình thành trong quá trình**

**A.** sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.

**B.** phát triển của loài, thông qua học tập và rút kinh nghiệm.

**C.** sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, được di truyền.

**D**. sống của cá thể, thông qua học tập và rút kinh nghiệm, đặc trưng cho loài.

**Câu 26 <TH>:** **Trong các hiện tượng sau đây, hiện tượng nào không phải là cảm ứng ở thực vật?**

**A.** Lá cây bàng rụng vào mùa hè.

**B.** Lá cây xoan rụng khi có gió thổi mạnh.

**C.** Cây gọng vó bắt mồi.

**D.** Hoa hướng dương hướng về phía Mặt Trời.

**Câu 27 <VDC>: Vì sao ở động vật không xương sống có rất ít tập tính học được?**

1.Chúng sống trong môi trường sống đơn giản.

2.Chúng có tuổi thọ ngắn.

3.Chúng không thể hình thành mối liên kết giữa các nơron.

4.Chúng có hệ thần kinh kém phát triền.

Tổ hợp ý đúng là:

**A.** 1, 2, 4. **B.** 2, 4. **C.** 1, 2, 3, 4. **D.** 2, 3, 4.

**Câu 28<NB>:Ở cây Một lá mầm, mô phân sinh gồm có:**

**A.** mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh bên.

**B.** mô phân sinh lóng và mô phân sinh bên.

**C.** mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh lóng.

**D.** mô phân sinh đỉnh và mô phân sinh rễ.

**Câu 29< NB>:** **Sinh trưởng ở sinh vật là:**

**A.**quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và số lượng tế bào.

**B.**quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và số lượng mô.

**C.**quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và số lượng tế bào và mô.

**D**.quá trình tăng lên kích thước cơ thể do tăng lên về kích thước và phân hóa tế bào.

**Câu 30<TH>:** **Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình trong cơ thể sống có mối quan hệ mật thiết với nhau như thế nào?**

**A.** Sinh trưởng tạo tiền đề cho phát triển, phát triển sẽ thúc đẩy sinh trưởng.

**B.** Phát triển tạo tiền đề cho sinh trưởng, làm nền tảng cho phát triển.

**C.** Sinh trưởng và phát triển là hai quá trình độc lập, không liên quan đến nhau.

**D.** Sinh trưởng và phát triển mâu thuẫn với nhau.

**Câu 31<TH>:** **Giai đoàn nào sau đây là sự phát triển của sinh vật?**

**A.** Cây cam con 🡪 cây cam trưởng thành

**B.** Ếch con 🡪 ếch trưởng thành

**C.** Thân cây cam to ra

**D.** Trứng ếch thụ tinh 🡪 ấu trùng

**Câu 32<VD>: Etilen là một hoocmon thực vật có tác dụng kích thích gây chín, làm già hóa và rụng quả. Etilen được hình thành ngay từ trong cây và đặc biệt có trong các quả chín. Không làm chín quả xanh bằng cách sử dụng nào sau đây?**

**A.** Đặt những quả xanh cạnh những quả đã chín.

**B.** Ngâm quả xanh vào dung dịch chứa etilen.

**C.** Để quả xanh trong phòng kín chứa khí etilen.

**D.** Lấy các quả rụng do etilen để cùng các quả cần làm chín.

**Câu 33 <NB>: Sinh sản vô tính là hình thức sinh sản:**

**A.** Cần 2 cá thể.

**B.** Không có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái

**C.** Có sự hợp nhất giữa giao tử đực và giao tử cái.

**D.** Chỉ cần giao tử cái.

**Câu 34<NB>:** **Bộ phận nào của cây không sinh sản vô tính:**

**A.** Thân củ **B.** Thân rễ. **C.** Hoa. **D.**Lá.

**Câu 35. (NB)** **Yếu tố bên ngoài ảnh hưởng đến sinh sản ở sinh vật là**

**A.** ánh sáng, độ ẩm, nhiệt độ, hormone.

**B.** ánh sáng, độ ẩm, nhiệt độ, chế độ dinh dưỡng.

**C.** di truyền, độ ẩm, độ tuổi, hormone.

**D.** di truyền, độ ẩm, nhiệt độ, độ tuổi.

**Câu 36<TH>: Mục đích của việc điều khiển giới tính của đàn con trong chăn nuôi là**

**A.** làm cân bằng tỷ lệ đực cái.

**B.** làm giảm số lượng con đực.

**C.** làm giảm số lượng con cái.

**D.** phù hợp với nhu cầu sản xuất.

**Câu 37 <TH>: Thụ tinh là gì?**

**A.** Là sự kết hợp của giao tử cái với giao tử đực tạo thành hợp tử

**B.** Là sự kết hợp giữa con đực và con cái

**C.** Là sự kết hợp giữa cơ thể mẹ và cơ thể bố

**D.** Là sự kết hợp giữa các loài sinh vật

**Câu 38 <VD>: Vì sao ở động vật, hình thức mang thai và sinh con sẽ giúp con non có tỉ lệ sống sót cao hơn hình thức đẻ trứng?**

A. Vì hợp tử được cung cấp chất dinh dưỡng liên tục thay vì lượng chất dinh dưỡng hạn chế trong trứng, được bảo vệ tốt hơn trước kẻ thù, có điều kiện nhiệt độ thích hợp cho sự phát triển,…

**B.** Vì hợp tử được cung cấp chất dinh dưỡng hạn chế hơn trong trứng, được bảo vệ tốt hơn trước kẻ thù, có điều kiện nhiệt độ thay đổi phù hợp với môi trường,…

**C.** Vì hợp tử được cung cấp chất dinh dưỡng liên tục, được bảo vệ tốt hơn trước kẻ thù, có điều kiện nhiệt độ thay đổi phù hợp với môi trường,…

**D.** Vì hợp tử được cung cấp chất dinh dưỡng hạn chế hơn trong trứng, được bảo vệ tốt hơn trước kẻ thù, có điều kiện nhiệt độ thích hợp cho sự phát triển,…

**Câu 39 <VD>: Các loại hoa sau đây là hoa đơn tính hay hoa lưỡng tính?**



**A.** Hoa đơn tính

**B.** Hoa lưỡng tính

**Câu 40<VDC>:** **Trong thiên nhiên cây tre có thể sinh sản bằng:**

**A.** Rễ phụ.        **B.** Dóng. **C.** Thân rễ.       **D.** Thân bò.

**ĐÁP ÁN . MỖI CÂU TRẢ LỜI ĐÚNG :0,25 Đ. 0,25 X 40= 10 Đ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1. D | 6. B | 11. D | 16. D | 21. A | 26. B | 31. D | 36. D |
| 2. D | 7. B | 12. D | 17. A | 22. C | 27. B | 32. D | 37. A |
| 3. C | 8. D | 13. A | 18. A | 23. B | 28. C | 33. B | 38. A |
| 4. C | 9. D | 14. B | 19. C | 24. C | 29. A | 34. C | 39. B |
| 5. D | 10.D | 15. A | 20. C | 25. A | 30. A | 35. B | 40. C |